

Bản án số: **43/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 12/11/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Tỷ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Trung Thành

2. Ông Thạch Ni

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Ông Hà Văn Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 90/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 và Thông báo mở phiên tòa số 15/TB-TA ngày 25/10/2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: ấp ĐC, xã TH, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng C**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

HKTT: ấp ĐC, xã TH, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

Nơi ở hiện nay: số nhà 08, tổ 29, ấp C, xã TT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Trần Thị T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh **Nguyễn Hoàng C** là vợ chồng chung sống với nhau tự nguyện từ cuối năm 2008, đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau bình thường đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C chơi bời gây nợ nần nhiều người, chị T phải bán nhà để trả nợ. Vì tình nghĩa vợ chồng chị chấp nhận cho anh C thêm cơ hội sửa đổi nhưng đến năm 2020 anh C chẳng những không thay đổi mà còn tiếp tục mượn nợ và không cho chị T

biết. Sau khi biết sự việc trên thì vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, bất hòa, chị T không còn tin tưởng anh C. Nay chị xác định tình cảm dành cho anh C không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng C.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh C có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Thị HV, sinh ngày 03/03/2009. Khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi cháu V, vấn đề cấp dưỡng chị và anh C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, Chị T không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

-Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Hoàng C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị Trần Thị T là vợ chồng, chung sống với nhau tự nguyện từ năm 2008, đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau bình thường đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân như chị T trình bày, do anh C ham chơi gây nợ nần nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất hòa dẫn đến ly thân từ ngày 12/3/2021 đến nay. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh C xác định vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: anh C và chị T có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Thị HV, sinh ngày 03/03/2009. Trường hợp, Tòa án giải quyết ly hôn anh C đồng ý giao cháu V cho chị T nuôi. Vấn đề cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh C không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Anh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai và cả hai lần vắng mặt đều không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật trong Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xem xét cho Chị T được ly hôn với anh C.

+ Về con chung: Đề nghị giao con chung tên Nguyễn Trần Thị HV, sinh ngày 03/03/2009 cho Chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục vấn đề cấp dưỡng chị T không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: không đề nghị xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn do nguyên đơn chị Trần Thị T thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Nguyễn Hoàng C có nơi cư trú tại: ấp ĐC, xã TH, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Về việc vắng mặt của bị đơn: Mặc dù Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho anh C nhưng tại phiên tòa hôm nay anh C vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Hoàng C.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C xây dựng gia đình với nhau vào cuối năm 2008, tại thời điểm chung sống các bên chưa đủ tuổi kết hôn. Tuy nhiên, Chị T và anh C vẫn chung sống đến năm 2010 đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Đồng phú, tỉnh Bình Phước trên tinh thần tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng sống với nhau bình thường, đến năm 2019 mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C vi phạm nghĩa vụ của người chồng trong gia đình, không lo làm ăn để chăm lo cho kinh tế gia đình mà chơi bời, gây ra nợ nần ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, chị T đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh C không thay đổi dẫn đến việc vợ chồng bất hòa, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Hiện nay vợ chồng chị T và anh C không còn chung sống với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt thông báo hòa giải để tạo điều kiện cho các bên có cơ hội hoà giải, đoàn tụ gia đình vì anh C không đồng ý ly hôn và vẫn còn tình cảm với chị T nhưng chị T không còn tin tưởng anh C, không đồng ý đoàn tụ gia đình và vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh C. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho Chị T được ly hôn với anh C là phù hợp với các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh C có 01 con chung tên Nguyễn Trần Thị HV, sinh ngày 03/03/2009. Khi ly hôn, chị T có yêu cầu được nuôi cháu V. Xét thấy, cháu V còn nhỏ, hiện đang sống với chị T, cháu V cũng có nguyện vọng được ở với chị T, trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh C cũng thống nhất giao cháu V cho chị T nuôi dưỡng, bản thân chị T có công việc và thu nhập ổn định để chăm lo cho cháu V nên cần giao cháu V cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng cho cháu V chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Không xem xét, giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng C.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần Thị HV, sinh ngày 03/03/2009 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Trần Thị T phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004678 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

4. Nguyên đơn chị Trần Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn anh Nguyễn Hoàng C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSD huyện Đồng Phú;
- THA huyện Đồng Phú;
- UBND xã TH;
- Các đương sự;
- Lưu HS, BP.HNGD.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Tý